

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN NƯỚC NGOÀI CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Biểu phí sử dụng dịch vụ thanh toán quốc tế dành cho KHCN

STT	Loại phí	Mức phí (Đã bao gồm VAT)
1	Chuyển tiền đi	
1.1	Chuyển tiền bằng điện	
1.1.1	Chuyển tiền du học sinh	0,165%*số tiền (Min: 5,5 USD)
1.1.2	Chuyển tiền mục đích khác	0,22%*số tiền (Min: 5,5 USD)
1.2	Phát hành Bankdraft	
1.2.1	Phí phát hành	0,11%*số tiền (Min: 2,2 USD)
1.2.2	Điện phí phát hành	11 USD
1.2.3	Phí hủy Bankdraft	16,5 USD/ tờ
1.3	Phí tu chỉnh/tra soát/hủy lệnh chuyển tiền	11 USD + phí NH nước ngoài (nếu có), (Chưa bao gồm điện phí)
1.4	Điện phí chuyển tiền	7,7 USD
1.5	Các loại điện phí khác (gồm điện phí tu chỉnh/ tra soát/ hủy lệnh chuyển tiền)	7,7USD
1.6	Phí nước ngoài người chuyển chịu (nếu người chuyển tiền chấp nhận chịu phí)	Bảng USD: 25 USD/ lệnh chuyển tiền
		Bảng AUD, NZD, SGD: Tương đương 25 USD/ lệnh chuyển tiền
		Bảng JPY: min 5.500 JPY/ lệnh chuyển tiền (và theo thực tế phát sinh)
		Bảng EUR: - Trong nước Đức 20 EUR/ lệnh chuyển tiền; - Ngoài nước Đức:



TẢI APP VIKKI

Vikki Care

 1900 6608

 In App chat  vikkibank.vn

 19006608@vikkibank.vn

STT	Loại phí	Mức phí (Đã bao gồm VAT)
		- Trị giá ≤ 12.500 EUR: 22EUR/ lệnh chuyển tiền - $12.500 \text{ EUR} < \text{trị giá} \leq 50.000$ EUR: 40 EUR/ lệnh chuyển tiền - Trị giá > 50.000 EUR: 50 EUR/ lệnh chuyển tiền.
		Bảng GBP: 60 GBP/ lệnh chuyển tiền
		Bảng CAD: 33 CAD/ lệnh chuyển tiền
2	Nhận chuyển tiền đến (phí báo có)	0,055% (Min : 2,2USD ; Max : 110USD), áp dụng cả trong trường hợp phí do NH nước ngoài chịu

Ghi chú:

- Min: Tối thiểu; Max: Tối đa.
- Trường hợp khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc khách hàng ngưng sử dụng dịch vụ trước hạn hoặc giao dịch không được thực hiện vì sai sót không phải do lỗi của Vikki Bank gây ra, Vikki Bank không hoàn lại phí dịch vụ và các khoản phí khác (điện phí, bưu phí, thuế, phí dịch vụ... phải trả các đơn vị/ngân hàng khác) đã thu.



Vikki Care

 1900 6608

 In App chat  vikkibank.vn

 19006608@vikkibank.vn